

Số: 633 /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 10 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
(Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường đại học;

Căn cứ Thông tư 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 06 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản) cho 271 học viên (*danh sách kèm theo*) đạt yêu cầu tại kỳ thi do Trung tâm Công nghệ Thông tin Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức vào ngày 22 tháng 04 năm 2017.

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Hành chánh, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, PHT;
- Như điều 2;
- Lưu: VT.TT

HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

DANH SÁCH CÁC CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản)

Danh sách kèm theo Quyết định số 688/QĐ-ĐHTDM ngày 10/5/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Thủ Dầu Một

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
1	17030001	Bùi Diệu	An	Nữ	28/08/1998	6,5	9,0	Đạt
2	17030002	Cù Thị Ngọc	An	Nữ	19/08/1997	8,0	7,0	Đạt
3	17030004	Nguyễn Thị Hồng	An	Nữ	23/10/1997	6,0	8,5	Đạt
4	17030006	Lê Nguyễn Phương	Anh	Nữ	03/12/1998	7,5	9,0	Đạt
5	17030008	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	Nữ	23/01/1993	7,0	5,5	Đạt
6	17030009	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	21/12/1997	7,5	9,5	Đạt
7	17030010	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	17/06/1998	7,0	8,5	Đạt
8	17030012	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	29/04/1998	7,0	8,0	Đạt
9	17030015	Trần Tú	Anh	Nữ	27/09/1998	7,0	10,0	Đạt
10	17030016	Trịnh Ngọc	Anh	Nam	14/10/1995	6,0	9,5	Đạt
11	17030018	Vũ Châu	Anh	Nữ	02/02/1998	7,5	9,5	Đạt
12	17030019	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	15/10/1996	6,0	5,0	Đạt
13	17030020	Đào Thị Nhi	Anh	Nữ	22/10/1998	7,5	8,5	Đạt
14	17030021	Lê Hồng	Bích	Nữ	03/01/1997	6,5	9,5	Đạt
15	17030022	Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	27/05/1996	7,0	7,5	Đạt
16	17030023	Trần Thanh	Bình	Nam	26/07/1996	7,0	9,0	Đạt
17	17030025	Phạm Minh	Cánh	Nam	10/02/1998	7,5	8,5	Đạt
18	17030028	Vương Tú	Châu	Nữ	04/07/1994	6,0	5,0	Đạt
19	17030030	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	14/10/1996	5,0	6,5	Đạt
20	17030032	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	04/04/1998	6,5	8,5	Đạt
21	17030033	Tạ Kiều	Chinh	Nữ	17/09/1998	7,5	7,5	Đạt
22	17030034	Nguyễn Đình	Chung	Nam	27/09/1996	7,0	9,5	Đạt
23	17030035	Bùi Việt	Đại	Nam	12/12/1993	8,0	6,5	Đạt
24	17030036	Nguyễn Phước	Danh	Nam	13/06/1997	8,5	9,5	Đạt
25	17030037	Trần Thị Thúy	Danh	Nữ	04/07/1994	6,0	5,5	Đạt
26	17030038	Huỳnh Xuân	Đào	Nữ	29/04/1997	7,0	9,5	Đạt
27	17030039	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	06/02/1997	7,5	8,0	Đạt
28	17030040	Nông Thị	Đào	Nữ	04/06/1995	6,0	9,0	Đạt
29	17030041	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	02/08/1993	8,5	6,0	Đạt
30	17030042	Trần Thị Thúy	Diễm	Nữ	20/06/1996	8,5	9,5	Đạt
31	17030044	Nguyễn Hồng	Diệp	Nữ	14/01/1997	6,0	6,5	Đạt
32	17030045	Tông Thanh	Diệu	Nữ	11/08/1997	7,0	8,0	Đạt
33	17030046	Trần Thị Thùy	Diệu	Nữ	30/09/1998	9,0	10,0	Đạt
34	17030050	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	08/05/1998	8,0	9,5	Đạt
35	17030051	Đỗ Thị Thùy	Dương	Nữ	22/05/1998	7,0	9,0	Đạt
36	17030052	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	19/12/1998	8,0	9,5	Đạt
37	17030053	Tô Thùy	Dương	Nữ	21/12/1996	8,0	9,0	Đạt
38	17030055	Nguyễn Kiều Hồng	Duyên	Nữ	30/09/1998	7,5	7,5	Đạt
39	17030056	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	19/02/1997	8,0	10,0	Đạt
40	17030058	Trần Thị	Gái	Nữ	16/09/1998	5,5	8,5	Đạt
41	17030059	Nguyễn Trường	Giang	Nam	11/11/1991	6,0	5,5	Đạt
42	17030060	Lê Bá	Giáp	Nam	10/11/1994	7,5	5,5	Đạt

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
43	17030061	Lê Thị Phương	Hà	Nữ	08/12/1996	7,5	10,0	Đạt
44	17030062	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	17/08/1995	7,0	9,0	Đạt
45	17030063	Phạm Vân	Hà	Nữ	22/09/1996	7,0	9,0	Đạt
46	17030065	Ngô Đăng	Hải	Nam	17/01/1996	5,5	6,0	Đạt
47	17030067	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	Nữ	29/08/1995	7,5	9,5	Đạt
48	17030068	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	05/11/1997	7,5	9,0	Đạt
49	17030069	Trần Ngọc	Hân	Nữ	09/02/1998	7,0	10,0	Đạt
50	17030071	Lê Thị	Hằng	Nữ	01/10/1995	6,0	6,5	Đạt
51	17030073	Lý Thị	Hằng	Nữ	06/04/1995	6,5	6,0	Đạt
52	17030074	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	28/10/1996	8,0	8,5	Đạt
53	17030076	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	06/11/1995	6,0	7,5	Đạt
54	17030078	Trần Thị	Hằng	Nữ	05/03/1996	8,5	8,0	Đạt
55	17030079	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	31/10/1996	8,0	10,0	Đạt
56	17030081	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	04/12/1995	8,0	8,5	Đạt
57	17030082	Võ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	12/07/1998	9,5	10,0	Đạt
58	17030084	Lê Thị	Hậu	Nữ	23/05/1996	8,0	8,5	Đạt
59	17030086	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/08/1998	8,5	9,5	Đạt
60	17030087	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	19/06/1996	6,0	7,5	Đạt
61	17030088	Nguyễn Phạm Thục	Hiền	Nữ	20/09/1996	7,5	9,0	Đạt
62	17030090	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/07/1996	5,5	6,0	Đạt
63	17030091	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	16/09/1998	7,0	7,5	Đạt
64	17030092	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22/10/1997	7,0	7,5	Đạt
65	17030093	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	03/09/1998	7,0	8,0	Đạt
66	17030094	Tô Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	09/07/1997	8,0	10,0	Đạt
67	17030095	Lê Thị Thanh	Hoa	Nữ	22/10/1996	7,0	8,0	Đạt
68	17030096	Cao Thị	Hòa	Nữ	25/07/1997	5,5	5,0	Đạt
69	17030097	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	01/09/1998	7,5	5,5	Đạt
70	17030100	Phạm Thị	Hòa	Nữ	18/05/1997	9,0	9,5	Đạt
71	17030101	Mai Văn	Hoài	Nam	10/01/1997	7,5	9,5	Đạt
72	17030102	Nguyễn Thị Cẩm	Hoàng	Nữ	23/03/1996	5,5	5,5	Đạt
73	17030103	Lý Cẩm	Hồng	Nữ	18/04/1996	6,0	8,0	Đạt
74	17030104	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	09/06/1998	7,0	6,0	Đạt
75	17030105	Lý Ai	Huê	Nữ	21/06/1997	6,5	5,0	Đạt
76	17030106	Doãn Thị	Huệ	Nữ	20/06/1997	7,0	8,5	Đạt
77	17030109	Trần Xuân	Hùng	Nam	22/06/1997	7,0	6,0	Đạt
78	17030110	Võ Kế Phi	Hùng	Nam	03/06/1994	7,5	9,0	Đạt
79	17030111	Nguyễn Mạnh	Hưng	Nam	05/09/1996	6,5	5,5	Đạt
80	17030112	Lê Thị Kim	Hương	Nữ	21/10/1998	7,0	6,5	Đạt
81	17030113	Nguyễn Thị Dạ Lý	Hương	Nữ	29/03/1997	7,5	7,5	Đạt
82	17030114	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	1998	5,0	6,5	Đạt
83	17030115	Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	12/06/1997	5,5	7,0	Đạt
84	17030116	Phạm Lê Diệu	Hương	Nữ	04/04/1998	7,0	5,0	Đạt
85	17030118	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	10/12/1996	8,0	8,5	Đạt
86	17030119	Vũ Thị	Hương	Nữ	04/09/1996	7,0	5,0	Đạt
87	17030120	Trần Thị Thu	Hường	Nữ	15/12/1997	7,0	8,0	Đạt
88	17030121	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	12/01/1995	8,0	9,5	Đạt
89	17030122	Kiều Thị Thu	Huyền	Nữ	20/11/1996	6,5	6,5	Đạt
90	17030124	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	10/01/1997	5,5	9,0	Đạt
91	17030125	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	19/03/1997	8,0	9,0	Đạt

Bau

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
92	17030127	Trương Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/01/1998	8,5	10,0	Đạt
93	17030129	Nguyễn Trần Bảo	Khánh	Nữ	01/01/1997	7,5	9,5	Đạt
94	17030131	Trần Trọng	Khánh	Nam	20/07/1994	7,0	6,5	Đạt
95	17030132	Lê Văn	Khoa	Nam	12/09/1996	6,5	9,5	Đạt
96	17030133	Lê Lâm Bảo	Khương	Nam	06/04/1998	7,5	8,5	Đạt
97	17030134	Nguyễn Hoài	Khương	Nam	30/03/1997	6,5	10,0	Đạt
98	17030135	Lê Trung	Kiên	Nam	22/12/1996	7,0	10,0	Đạt
99	17030137	Phạm Thị	Kiều	Nữ	18/07/1996	7,5	6,0	Đạt
100	17030138	Lý Thiên	Kim	Nữ	18/09/1996	7,0	9,0	Đạt
101	17030139	Vương Minh	Kỳ	Nam	13/10/1997	9,0	10,0	Đạt
102	17030140	Đoàn Hồng	Lam	Nữ	07/06/1996	7,0	9,0	Đạt
103	17030141	Ngô Thị Hồng	Lam	Nữ	04/04/1998	5,0	5,0	Đạt
104	17030142	Nguyễn Thị Phương	Lam	Nữ	07/02/1996	6,0	6,0	Đạt
105	17030144	Bé Thị Mỹ	Lan	Nữ	24/10/1997	8,0	6,5	Đạt
106	17030146	Lương Hải	Lập	Nữ	02/09/1995	7,0	9,0	Đạt
107	17030148	Vũ Thị Mai	Liên	Nữ	06/10/1992	7,5	9,5	Đạt
108	17030149	Nguyễn Thị Thúy	Liều	Nữ	29/11/1996	9,0	10,0	Đạt
109	17030150	Đặng Hồi	Linh	Nữ	26/08/1996	8,0	9,5	Đạt
110	17030151	Đoàn Thị	Linh	Nữ	14/08/1996	6,0	7,0	Đạt
111	17030154	Lê Thị Hoàng	Linh	Nữ	25/04/1997	5,5	8,0	Đạt
112	17030155	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/01/1996	5,5	8,5	Đạt
113	17030156	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/02/1996	6,0	9,5	Đạt
114	17030157	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/11/1998	9,0	10,0	Đạt
115	17030158	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/07/1996	5,0	5,5	Đạt
116	17030160	Trịnh Thị	Linh	Nữ	15/05/1995	7,0	8,5	Đạt
117	17030161	Trịnh Thị Phương	Linh	Nữ	11/07/1997	7,0	6,5	Đạt
118	17030162	Trịnh Tiểu	Linh	Nữ	26/08/1997	8,5	9,0	Đạt
119	17030163	Trương Hoài	Linh	Nữ	06/03/1998	8,0	10,0	Đạt
120	17030164	Võ Ngọc	Linh	Nữ	15/09/1996	5,5	7,5	Đạt
121	17030165	Vũ Ngọc	Linh	Nữ	08/10/1997	7,5	9,5	Đạt
122	17030166	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	15/06/1997	7,5	10,0	Đạt
123	17030168	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	09/11/1996	6,0	8,5	Đạt
124	17030169	Đồng Thanh	Luận	Nam	01/01/1996	8,5	8,5	Đạt
125	17030171	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	03/06/1997	6,0	5,0	Đạt
126	17030172	Chu Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/01/1997	7,0	8,0	Đạt
127	17030173	Hồ Thị Thanh	Mai	Nữ	04/10/1998	6,0	8,5	Đạt
128	17030174	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	06/07/1997	6,5	8,0	Đạt
129	17030175	Nguyễn Uyên	Mẫn	Nữ	11/09/1998	6,5	6,0	Đạt
130	17030176	Nguyễn Thị Diễm	Mi	Nữ	01/06/1997	6,0	8,5	Đạt
131	17030177	Nguyễn Thị Lê	Minh	Nữ	27/10/1998	5,5	7,5	Đạt
132	17030178	Trần Hoài	Minh	Nam	07/02/1997	6,5	10,0	Đạt
133	17030179	Nguyễn Hoàng	My	Nữ	12/11/1996	8,0	9,0	Đạt
134	17030180	Nguyễn Ngọc My	My	Nữ	11/11/1998	8,5	10,0	Đạt
135	17030181	Liêu Thế	Mỹ	Nữ	11/03/1997	8,0	9,0	Đạt
136	17030182	Ngô Hoàng	Nam	Nam	22/05/1995	6,0	9,5	Đạt
137	17030184	Nguyễn Kim	Nga	Nữ	02/02/1998	6,5	8,5	Đạt
138	17030185	Phạm Thị	Nga	Nữ	03/08/1996	6,5	6,5	Đạt
139	17030186	Phan Thị	Nga	Nữ	27/10/1996	7,0	7,0	Đạt
140	17030187	Phan Thị Thúy	Nga	Nữ	16/04/1998	6,5	9,0	Đạt

AN
HƯỚNG
DẪN

Beuo

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
141	17030188	Trịnh Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	19/01/1995	5,0	5,0	Đạt
142	17030189	Võ Thị Thanh	Nga	Nữ	20/02/1996	7,5	7,5	Đạt
143	17030191	Đỗ Ngọc Kim	Ngân	Nữ	01/03/1994	7,0	9,5	Đạt
144	17030193	Mai Thị Ngọc	Ngân	Nữ	18/07/1997	6,0	9,0	Đạt
145	17030194	Nguyễn Lê Kim	Ngân	Nữ	18/08/1997	7,5	10,0	Đạt
146	17030195	Nguyễn Phương Bảo	Ngân	Nữ	03/02/1995	8,0	7,0	Đạt
147	17030196	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	09/06/1996	6,5	8,0	Đạt
148	17030197	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	24/03/1997	6,0	7,5	Đạt
149	17030198	Đào Hoàng	Nghiêm	Nam	01/01/1995	8,0	9,5	Đạt
150	17030199	Bùi Thị Minh	Ngọc	Nữ	26/02/1997	8,0	9,0	Đạt
151	17030200	Hồ Hồng	Ngọc	Nữ	23/05/1998	8,0	9,5	Đạt
152	17030201	Trần Hà Bích	Ngọc	Nữ	10/03/1998	7,5	9,0	Đạt
153	17030202	Hán Thị Thảo	Nguyên	Nữ	01/05/1996	7,0	9,0	Đạt
154	17030203	Lê Thị Cao	Nguyên	Nữ	07/12/1997	6,0	9,5	Đạt
155	17030204	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	30/04/1996	6,0	7,0	Đạt
156	17030205	Lê Thanh	Nguyệt	Nữ	16/11/1996	8,0	9,5	Đạt
157	17030206	Nguyễn Thị Lê	Nguyệt	Nữ	27/10/1998	7,0	7,5	Đạt
158	17030207	Lê Khắc	Nhân	Nam	28/09/1997	6,5	5,0	Đạt
159	17030208	Võ Thị Hồng	Nhân	Nữ	06/04/1995	8,0	9,0	Đạt
160	17030209	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	23/07/1998	7,5	10,0	Đạt
161	17030211	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	28/07/1998	5,5	5,5	Đạt
162	17030212	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	30/12/1997	6,5	9,0	Đạt
163	17030213	Phan Bảo	Nhi	Nữ	09/10/1995	7,0	6,5	Đạt
164	17030214	Trần Ngọc Yến	Nhi	Nữ	29/09/1997	7,5	6,5	Đạt
165	17030215	Trần Thụy Yến	Nhi	Nữ	14/01/1997	6,5	6,5	Đạt
166	17030216	Nguyễn Thị Bích	Nhu	Nữ	11/08/1996	7,0	8,5	Đạt
167	17030217	Dương Quỳnh	Như	Nữ	19/11/1997	8,5	6,5	Đạt
168	17030218	Lê Thùy Quỳnh	Như	Nữ	28/02/1996	8,0	8,0	Đạt
169	17030219	Dương Thị Tuyết	Nhung	Nữ	01/02/1997	7,0	6,0	Đạt
170	17030220	Lê Thị	Nhung	Nữ	14/09/1996	5,0	5,0	Đạt
171	17030221	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/12/1996	7,0	10,0	Đạt
172	17030222	Trần Thị Cẩm	Nhung	Nữ	11/12/1998	5,0	8,0	Đạt
173	17030223	Trương Thị Hoài	Nhung	Nữ	10/05/1997	5,5	6,5	Đạt
174	17030225	Trần Ngọc	Nương	Nữ	19/10/1995	7,0	10,0	Đạt
175	17030226	Châu Yến	Oanh	Nữ	16/12/1996	7,5	9,0	Đạt
176	17030227	Thạch Thị Kim	Oanh	Nữ	15/09/1995	5,0	6,5	Đạt
177	17030228	Lê Thị Châu	Pha	Nữ	26/04/1997	5,0	5,0	Đạt
178	17030229	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	03/09/1997	6,0	5,5	Đạt
179	17030231	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	12/04/1997	8,0	8,0	Đạt
180	17030232	Phạm Nguyễn Mỹ	Phụng	Nữ	31/07/1994	7,5	5,0	Đạt
181	17030233	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	Nữ	14/05/1995	7,0	7,0	Đạt
182	17030234	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	07/05/1997	7,5	9,0	Đạt
183	17030235	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	11/08/1997	8,0	7,5	Đạt
184	17030237	Nguyễn Đình	Phượng	Nam	10/05/1995	7,0	5,5	Đạt
185	17030239	Phạm Đỗ	Quang	Nam	20/02/1994	8,0	6,0	Đạt
186	17030240	Nguyễn Văn	Quý	Nam	06/02/1995	7,5	9,5	Đạt
187	17030241	Hoàng Thị	Quyên	Nữ	15/07/1996	6,0	6,5	Đạt
188	17030242	Lý Thị Tổ	Quyên	Nữ	18/11/1997	6,0	6,0	Đạt
189	17030245	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	24/10/1998	8,0	9,0	Đạt

Bau

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
190	17030246	Cao Thị Thảo	Quỳnh	Nữ	23/01/1997	8,5	9,0	Đạt
191	17030247	Võ Hoàng	Son	Nam	01/11/1995	6,5	10,0	Đạt
192	17030248	Bùi Thị Diễm	Sương	Nữ	10/12/1997	5,5	5,5	Đạt
193	17030249	Lê Thị Tuyết	Sương	Nữ	09/05/1997	7,0	8,5	Đạt
194	17030251	Trương Tấn	Tài	Nam	18/10/1998	8,0	9,5	Đạt
195	17030253	Nguyễn Anh	Thái	Nam	20/05/1997	8,0	8,0	Đạt
196	17030255	Phạm Thị	Thắng	Nữ	25/05/1995	6,5	8,0	Đạt
197	17030256	Lê Thị	Thanh	Nữ	01/08/1997	8,0	5,5	Đạt
198	17030257	Trần Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	17/09/1996	6,0	5,5	Đạt
199	17030259	Hà Như	Thảo	Nữ	04/08/1997	6,5	5,0	Đạt
200	17030260	Hà Thị	Thảo	Nữ	02/01/1996	7,0	9,0	Đạt
201	17030261	Hồ Thị Thanh	Thảo	Nữ	12/01/1996	7,5	10,0	Đạt
202	17030262	Lê Thị	Thảo	Nữ	02/09/1996	7,0	8,5	Đạt
203	17030264	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/09/1997	7,0	8,0	Đạt
204	17030266	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	Nữ	26/04/1995	8,5	6,0	Đạt
205	17030267	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	Nữ	10/11/1997	7,0	7,5	Đạt
206	17030270	Trần Vương Thu	Thảo	Nữ	15/09/1995	6,0	8,0	Đạt
207	17030271	Nguyễn Thị Phương	Thi	Nữ	14/03/1996	8,0	10,0	Đạt
208	17030272	Đinh Phan Thành	Thiện	Nam	02/09/1995	8,5	8,5	Đạt
209	17030274	Đặng Ngọc Anh	Thoa	Nữ	02/04/1996	5,0	5,0	Đạt
210	17030278	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	12/02/1996	6,5	6,0	Đạt
211	17030279	Vũ Thị	Thu	Nữ	14/09/1997	7,5	9,5	Đạt
212	17030280	Huỳnh Thị Kim	Thư	Nữ	12/03/1996	8,5	9,0	Đạt
213	17030281	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	08/08/1996	6,0	6,5	Đạt
214	17030282	Phạm Hà Anh	Thư	Nữ	15/12/1996	6,0	6,0	Đạt
215	17030283	Nguyễn Thanh	Thuận	Nữ	23/07/1996	8,0	5,5	Đạt
216	17030284	Hồ Sỹ	Thương	Nam	28/05/1996	6,0	5,5	Đạt
217	17030285	Lê Hoài	Thương	Nữ	13/05/1996	6,5	7,0	Đạt
218	17030286	Đoàn Thị Thanh	Thúy	Nữ	27/12/1996	8,0	6,5	Đạt
219	17030287	Ngô Thị Diễm	Thúy	Nữ	27/12/1996	8,0	6,5	Đạt
220	17030288	Trịnh Thị Xuân	Thúy	Nữ	25/05/1997	6,5	7,5	Đạt
221	17030291	Đinh Thị	Thủy	Nữ	26/01/1998	7,5	5,0	Đạt
222	17030292	Đỗ Thị Phương	Thủy	Nữ	17/09/1996	7,5	8,5	Đạt
223	17030294	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	Nữ	18/05/1995	6,5	9,0	Đạt
224	17030296	Nguyễn Minh	Thuyền	Nam	10/08/1990	6,0	7,5	Đạt
225	17030297	Nguyễn Mai	Thy	Nữ	13/09/1998	7,0	8,5	Đạt
226	17030299	Hà Cẩm	Tiên	Nữ	23/04/1996	5,5	5,5	Đạt
227	17030300	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	09/08/1998	8,5	8,5	Đạt
228	17030301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	07/08/1997	8,0	9,5	Đạt
229	17030302	Phạm Thị Triều	Tiên	Nữ	22/08/1997	7,5	9,5	Đạt
230	17030303	Nguyễn Thị Kim	Tinh	Nữ	25/02/1997	6,5	7,0	Đạt
231	17030304	Trần Văn	Toàn	Nam	02/06/1997	6,5	9,5	Đạt
232	17030306	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	27/07/1997	6,0	6,0	Đạt
233	17030307	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	03/08/1997	5,5	7,5	Đạt
234	17030311	Huỳnh Thị Ngọc	Trân	Nữ	09/10/1997	6,5	5,5	Đạt
235	17030312	Lê Thị Khánh	Trân	Nữ	28/10/1997	6,0	6,0	Đạt
236	17030313	Đỗ Thị	Trang	Nữ	19/08/1997	6,0	9,0	Đạt
237	17030314	Đoàn Thị Phương	Trang	Nữ	27/09/1997	8,5	7,0	Đạt

Bau

STT	SBD	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Điểm LT	Điểm TH	Kết quả
238	17030315	Huỳnh Minh	Trang	Nữ	16/04/1998	8,0	7,5	Đạt
239	17030316	Lê Thị	Trang	Nữ	03/07/1996	8,5	8,5	Đạt
240	17030317	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/08/1996	7,5	8,0	Đạt
241	17030318	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	19/10/1997	5,5	5,5	Đạt
242	17030319	Phan Thị	Trang	Nữ	15/03/1996	5,5	7,0	Đạt
243	17030322	Dương Thị Thu	Trình	Nữ	09/09/1997	8,0	6,0	Đạt
244	17030323	Hoàng Mai	Trình	Nữ	09/01/1996	5,5	5,0	Đạt
245	17030324	Lê Thị Tuyết	Trình	Nữ	25/02/1995	5,0	6,5	Đạt
246	17030325	Lê Thiện Hồng	Trình	Nữ	11/02/1998	8,5	9,0	Đạt
247	17030327	Phan Phương	Trình	Nữ	14/07/1998	7,5	8,5	Đạt
248	17030328	Phan Thị Thùy	Trình	Nữ	07/01/1998	7,0	7,0	Đạt
249	17030331	Lê Thị Ngọc	Trúc	Nữ	28/09/1992	8,0	10,0	Đạt
250	17030332	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	30/03/1997	8,0	6,5	Đạt
251	17030333	Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	20/07/1996	6,0	6,5	Đạt
252	17030334	Nguyễn Thành	Trung	Nam	13/05/1995	7,5	8,0	Đạt
253	17030336	Phạm Thanh	Tú	Nam	01/10/1996	6,0	6,0	Đạt
254	17030337	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/11/1997	7,5	5,5	Đạt
255	17030338	Trịnh Minh	Tú	Nam	16/04/1995	7,0	5,5	Đạt
256	17030339	Phan Văn	Tuấn	Nam	07/12/1996	6,0	8,5	Đạt
257	17030342	Lê Như	Tuyền	Nữ	15/01/1995	5,5	5,5	Đạt
258	17030344	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	10/04/1990	7,5	9,5	Đạt
259	17030346	Phan Thị Mỹ	Uyên	Nữ	21/10/1998	6,5	7,5	Đạt
260	17030348	Hoàng Thị Cẩm	Vân	Nữ	05/02/1995	8,0	8,5	Đạt
261	17030349	Hứa Thị	Vân	Nữ	20/05/1998	7,0	9,0	Đạt
262	17030350	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	06/12/1995	7,0	5,0	Đạt
263	17030353	Huỳnh Thúy	Vi	Nữ	04/10/1996	6,5	6,5	Đạt
264	17030354	Phạm Thị Diệu	Viên	Nữ	20/04/1996	6,0	5,5	Đạt
265	17030355	Đỗ Hùng	Việt	Nam	24/06/1996	7,0	9,5	Đạt
266	17030356	Bùi Đức	Vinh	Nam	22/10/1997	6,0	9,0	Đạt
267	17030358	Nghiêm Thanh Thúy	Vy	Nữ	05/08/1995	7,5	8,0	Đạt
268	17030359	Nguyễn Lam	Vy	Nữ	07/10/1996	7,5	5,0	Đạt
269	17030361	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	24/04/1997	7,5	8,0	Đạt
270	17030362	Nguyễn Ngọc	Xuân	Nữ	05/03/1996	7,5	8,5	Đạt
271	17030365	Nông Thị Hải	Yến	Nữ	05/09/1993	6,0	6,0	Đạt

Danh sách này có 271 thí sinh.

Be